

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 153/2025/HS-PT
Ngày: 15- 12 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên— Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Hoa— Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 176/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Quang D; Nguyễn Quang T; Lâm Văn S; Nguyễn Quốc D1; Lê Chí D2; Nguyễn Gia N và Phan Chí Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Quang D**, sinh năm: 1996 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086096011328; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Q và bà Nguyễn Thị P; chưa có vợ, con; tiền án: có 02 tiền án; tại Bản án số 02/2016/HS-ST ngày 25/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; tại Bản án số 51/2020/HS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 118/2025/HSPT ngày 30/10/2014, của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị tạm giữ ngày 09/6/2025, tạm giam ngày 12/6/2025 cho đến nay, có mặt;

2. **Nguyễn Quang T**, sinh năm: 1999 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086099010587; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu

Q và bà Nguyễn Thị P; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, ngày 08/12/2023, bị Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long xử phạt số tiền 6.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; bị tạm giữ ngày 23/6/2025, tạm giam ngày 26/6/2025 cho đến nay, có mặt;

3. **Lâm Văn S**, sinh năm: 2001 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086202009897; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm S1 và bà Nguyễn Thị Kiều N1; chưa có vợ, con; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số 53/2022/HSPT ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (chấp hành xong hình phạt ngày 18/4/2023); tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 17/12/2024 cho đến nay, có mặt;

4. **Nguyễn Quốc D1**, sinh năm: 2004 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086204004270; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị N2; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000994/QĐ-XPHC ngày 08/12/2023, của Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long số tiền 6.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; bị tạm giam từ ngày 17/12/2024 cho đến nay, có mặt;

5. **Lê Chí D2**, sinh năm: 2005 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086205005851; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T2 và bà Lê Thị Thúy K; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 17/12/2024 cho đến nay, có mặt;

6. **Nguyễn Gia N**, sinh năm: 2006 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086206011082; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 20/01/2025 cho đến nay, có mặt;

7. **Phan Chí Đ**, sinh ngày 19/7/2007 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086207001155; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N3 và bà Trần Thị Như T4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phan Chí Đ: Ông Phan Văn N3, sinh năm: 1975 và bà Trần Thị Như T4, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long), có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Chí Đ: Luật sư Ung Văn H – Đoàn Luật sư tỉnh V, có mặt.

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Huỳnh Trung H1 và Nguyễn Thanh A nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh X và Nguyễn Quang D có mâu thuẫn trước đó. X bị một vài người đánh nên nghi ngờ một trong số người đó là Nguyễn Quang D nên X và Nguyễn Phước L cùng vài người khác đến nhà D để tìm D nói chuyện nhưng không gặp. Khoảng 18 giờ ngày 16/11/2024, Nguyễn Quang D đi làm về nhà xem lại camera thì thấy hôm trước X, L và một số người khác đến nhà D tìm D và Nguyễn Quang T (em ruột của D), D nghĩ là X, L đến nhà tìm đánh D và T nhưng không biết lý do. D nghĩ X và L sẽ tiếp tục vô nhà lần nữa nên nói với T rồi sau đó lần lượt rủ thêm Lâm Văn S, Phan Chí Đ, Nguyễn Quốc D1, Huỳnh Trung H1, Nguyễn Thanh A; Hà Nhựt T5, Trương Thành T6, Đ1, T7 (chưa rõ họ tên, địa chỉ) cùng một số người là bạn của Đ1, T7 (chưa rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà của D1 để đánh nhóm của X.

Nguyễn Quang T rủ Lê Chí D2, Nguyễn Gia N đến nhà bị cáo Quang D để cùng tiếp sức cho D đánh X và L. Sau đó, bị cáo Lâm Văn S rủ thêm Huỳnh Tấn G, rồi G rủ thêm Lê Hữu T8, Phạm Duy K1, Trần Văn S2, Võ Trần Quang H2, Trần Thanh Đ2, Nguyễn Văn N4, Lê Tấn H3, Trần Phước T9, Nguyễn Thanh N5 đến nhà của D để giúp D đánh X.

Nguyễn Quang D và Nguyễn Quang T chuẩn bị hung khí gồm trái nỏ tự chế, dao tự chế, chĩa tự chế đưa và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau: G cầm con dao tự chế; Hữu T8 cầm bình xịt hơi cay; Đ2, N5, T9, N4 mỗi người cầm 01 con dao tự chế (loại dao phóng lợn); K1, S2, Tấn H3 mỗi người cầm 01 cây chĩa tự chế; Quang H2 cầm 01 thanh kim loại cùng mai phục ở trong nhà của chị Nguyễn Thị Kiều H4 (chị ruột của bị cáo Quang D) ở kế bên nhà Quang D và tại thời điểm này không có ai ở nhà chị H4.

Hà Nhựt T5, Phan Chí Đ, Nguyễn Thanh A đem gạch ống, bê tông leo nóc nhà của Nguyễn Quang D và nhà chị H4 để chờ nhóm X đến. Huỳnh Trung H1, Nguyễn Quốc D1 và Thành T6 mỗi người cầm 01 thanh kim loại; Lâm Văn S (không cầm hung khí) mai phục gần đó; Lê Chí D2 cầm cây xẻng (lên đào đất); Nguyễn Gia N cầm thanh kim loại hình trụ tròn bằng sắt, Nguyễn Quang T cầm 01

ông tuýp sắt cùng đứng bên hông nhà của Nguyễn Quang D; Nguyễn Quang D sử dụng 01 cây súng ngắn bắn pháo có quân khẩu trang màu đen, 02 trái pháo banh, 01 con dao tự chế đứng trước nhà mình; Đ1, T7 cùng với một số người khác (không xác định được cầm hung khí gì) núp ở hai bên đường vào nhà của Nguyễn Quang D, khi đó Nguyễn Quang D nói khi nào nghe tiếng nổ thì cùng cầm hung khí tấn công nhóm của X thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, Nguyễn Quang D điện thoại cho L nói “D đang ở nhà kêu X vô nhà D”, trong lúc chờ Xuân vô thì gia đình của Huỳnh Tấn G gọi điện thoại kêu G về nên G bỏ lại hung khí rồi về trước.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Thanh X đang uống cà phê ở quán P1 trên đường T thuộc xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) cùng với H6, Lê Hoàng T10, Nguyễn Phước L, Lê Văn C, Trần Văn N6, Nguyễn Phước N7, Trần Minh K2, Lê Ngọc M1, Nguyễn Phú Q1 thì Nguyễn Phước L nghe điện thoại Nguyễn Quang D nói “D đang ở nhà và kêu X vô nhà của D”. X rủ L, C, N7, T10, H6 cùng đến nhà D để nói chuyện, hòa giải thì những người uống cà phê chung với X còn lại cũng tự đi theo X, khi đi H6 điều khiển xe chở L, N7 điều khiển xe chở X, K2 điều khiển xe chở M1, C điều khiển xe chở N6, Q1 điều khiển xe chở T10 và 01 người khác (chưa rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà của Quang D, khi đó X, L, M1 mỗi người tự cầm theo 01 con dao tự chế cất giấu trong người, T10 lượm cái len bên đường để trên xe.

H6 điều khiển xe mô tô chở L chạy trước, khi đến trước nhà Q thì L xuống xe và thấy Trần Văn S2 là người quen, L nói chuyện với S2 và kêu S2 đi về, lúc này S2, Quang H2, Hữu T8, K1, N5, N4, Tấn H3, Đ2, T9 bỏ hung khí lại hiện trường đi về. Sau đó, L kêu Quang D ra nói chuyện thì Quang D cầm trên tay khẩu súng ngắn bắn pháo màu đen đi ra, L đi lại gần Quang D thì D kêu “L dừng lại, L bước tới sẽ bắn” D hỏi L tại sao tìm chém D, cùng lúc này thì xe của N7, X, K2, M1, C, N6, Q1, T10 chạy đến, khi X vừa xuống xe thì Quang D đốt 02 trái pháo banh ném vào X, L và những người đi chung, khi nghe tiếng nổ thì một số đối tượng khác ném trái nổ và bắn súng về hướng của nhóm X, L và những người khác. T5, Đ, A dùng gạch ống, bê tông ném về hướng của X, L; T, S, H1, D2, N, Quốc D1, Thành T6 cầm hung khí xông vào đánh nhưng đánh không được ai do có nhiều trái nổ, nhiều khói bụi nên không nhìn rõ được.

Nhóm X, L, C, N7, K2, M1, T10 bị thương tích trên người, tay, chân nên cùng với những người khác bỏ chạy. Một số đối tượng trong nhóm bạn của Quang D (không rõ họ tên, địa chỉ) dùng hung khí đập các xe mô tô biển số 65B2 -736.54 của C, xe mô tô biển số 64KA-071.92 của Học, xe mô tô biển số 64K1- 441.26 của T10, xe mô tô biển số 66P1-731.09 của Trương Đăng H5 làm hư hỏng xe. Sau khi sự việc xảy ra thì X, L và C được đưa đến bệnh viện Q2 điều trị. Quang D, T cùng một số đối tượng khác đã trốn khỏi địa phương và sau đó D và T ra đầu thú.

Tại Công văn số 179/UBND ngày 25/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã N xác nhận địa điểm xảy ra vụ việc đánh nhau tại đoạn đường đal trước nhà của bị cáo

Nguyễn Quang D đến trước nhà ông Nguyễn Công T11 thuộc tổ F, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là khu vực đông dân cư, là nơi công cộng. Sự việc xảy ra làm người dân lo sợ, làm gián đoạn đến hoạt động bình thường, gây ảnh hưởng rất lớn đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Tại Kết luận giám định các số: 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318 cùng ngày 06/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Thanh X là 09 %, của Nguyễn Phước L là 08%, của Nguyễn Phước N7 là 08%, của Lê Văn C là 05%, của Trần Minh K2 là 03%, của Lê Ngọc M1 là 03%, của Lê Hoàng T10 là 01%. Các vết thương do dị vật (mảnh của trái nỏ) gây nên.

Ngày 09/12/2024, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Phước L, Nguyễn Phước N7, Lê Văn C, Trần Minh K2, Lê Ngọc M1, Lê Hoàng T10 làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Quang D và những người khác có hành vi gây thương tích cho các bị hại.

Kết luận giám định số 7465/KL-KTHS ngày 16/12/2024 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định: 01 khẩu súng gửi giám định là súng hơi, cỡ nòng 5,5mm thuộc nhóm súng săn, không phải vũ khí quân dụng và không tính năng tương tự vũ khí quân dụng. Sử dụng khẩu súng trên bắn với đạn mũi 5,5mm trúng cơ thể người có thể gây thương tích hoặc tử vong; 01 viên đạn và 03 vỏ đạn gửi giám định là 03 vỏ đạn đã bắn và 01 viên đạn cỡ (5,6 x 15,5mm) thuộc nhóm vũ khí thể thao. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một loại súng thể thao và quân dụng như: K55, súng ám sát hình bút, TOZ8... và một số loại súng chế tạo thủ công có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng. Sử dụng súng phù hợp bắn với đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,5mm) trúng cơ thể người có thể gây thương tích hoặc tử vong; Dấu vết 03 vỏ đạn đã bắn gửi giám định phù hợp do loại súng chế tạo thủ công có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng bắn tạo ra.

Kết luận giám định số 7463/KL-KTHS ngày 02/01/2025 Phân viện khoa học hình sự Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trong các mảnh vỡ không rõ hình dạng màu xám, các mảnh nhựa, các mảnh thủy tinh, chất bột mịn màu xám đen dính trên đoạn gốc, thân cây, các mảnh kim loại, chất bột mịn màu xám đen dính trong mẫu đất gửi giám định có tìm thấy thành phần dấu vết của thuốc pháo; 01 vật hình trụ tròn bằng nhựa bịt kín 02 đầu được quấn băng keo màu đen, chiều dài 12cm, đường kính 5,5cm, 01 đầu có gắn đoạn dây màu xanh dài 04cm gửi giám định là quả nỏ tự tạo. Bên trong chứa các mảnh thủy tinh và chất bột màu xám bạc là thuốc nổ, thành phần chính gồm: Kaliclorat (KCIO₃), lưu huỳnh (S), bột than (C); 01 ống nhựa màu xám bịt kín 02 đầu, dài 13cm, đường kính 2,1cm, 01 đầu có gắn đoạn dây bị cháy gửi giám định là quả nỏ tự tạo. Chất bột màu xám bạc là thuốc nổ, thành phần chính gồm: Kaliclorat (KCIO₃), lưu huỳnh (S), bột than (C). Cơ chế hoạt động: Khi các quả nỏ tự tạo được đốt cháy, dây cháy chậm chuyển lửa,

gây cháy thuốc pháo bên trong và phát nổ.

Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 17/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 04 xe mô tô mang biển số 65B2-736.54, 64KA-071.92, 64K1-441.26, 66P1-731.09 bị hư hỏng có tổng thiệt hại là 1.790.000 đồng là xe mô tô của Lê Văn C, Huỳnh Tấn H6, Lê Hoàng T10 và Trương Đăng D3 đã bị một số đối tượng (chưa rõ họ tên, địa chỉ) trong nhóm của bị cáo Quang D đập phá gây thiệt hại. Chon, H6, T10 và Đăng D3 không có yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Vĩnh Long đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang T, Lâm Văn S, Nguyễn Quốc D1, Lê Chí D2, Nguyễn Gia N, Huỳnh Trung H1, Phan Chí Đ và Nguyễn Thanh A phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Đối với bị cáo Nguyễn Quang D: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134; điểm a, b, e khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm d, o khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 09/6/2025).

Đối với bị cáo Nguyễn Quang T: Căn cứ điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/6/2025).

Đối với bị cáo Lâm Văn S: Căn cứ điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn S 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 17/12/2024).

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc D1: Căn cứ điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 06

(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 17/12/2024).

Đối với bị cáo Lê Chí D2: Căn cứ điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí D2 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 17/12/2024).

Đối với bị cáo Nguyễn Gia N: Căn cứ điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia N 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 20/01/2025).

Đối với bị cáo Phan Chí Đ: Căn cứ điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 119; khoản 1 Điều 121; khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Phan Chí Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Huỳnh Trung H1 và Nguyễn Thanh A, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2025, bị cáo Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang T, Lâm Văn S, Nguyễn Quốc D1, Lê Chí D2 và Nguyễn Gia N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt

Ngày 06/10/2025, bị cáo Phan Chí Đ kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang T, Lâm Văn S, Nguyễn Quốc D1, Lê Chí D2, Nguyễn Gia N và Phan Chí Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Chí Đ: thống nhất với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và đề nghị xem xét về hình phạt để Đ tiếp tục đi học.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Chí Đ thống nhất tội danh, điều khoản mà bản án sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo chỉ giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, không có ném gạch vào nhóm bị hại nên mức độ tham gia cùng đồng phạm rất hạn chế. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên

nên khả năng nhận thức còn hạn chế. Bản án sơ thẩm chưa áp dụng Điều 91 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang T, Lâm Văn S, Nguyễn Quốc D1, Lê Chí D2 và Nguyễn Gia N; chấp nhận một phần kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Chí Đ. Cụ thể tuyên:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quang D chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/6/2025.

2. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quang T chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2025.

3. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn S 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn S 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lâm Văn S chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/12/2024.

4. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D1 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo

Nguyễn Quốc D1 chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/12/2024.

5. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí D2 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí D2 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Chí D2 chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/12/2024.

6. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia N 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia N 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Gia N chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/01/2025.

7. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179, Điều 115, Điều 119, Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Phan Chí Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179, Điều 115, Điều 119, Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Phan Chí Đ 01 (một) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan Chí Đ chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Bị cáo Nguyễn Quang D nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình và xem xét nhóm bị hại cũng gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo Nguyễn Quang T nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về phụ giúp gia đình.

Bị cáo Lâm Văn S nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình và xem xét nhóm bị hại cũng gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo Nguyễn Quốc D1 nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình và xem xét nhóm bị hại cũng gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo Lê Chí D2 nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt do bị cáo rất ăn năn hối cải.

Bị cáo Nguyễn Gia N nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về nuôi cha mẹ và anh ruột bị bệnh.

Bị cáo Phan Chí Đ nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để tiếp tục đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Phan Chí Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Quang D; Nguyễn Quang T; Lâm Văn S; Nguyễn Quốc D1; Lê Chí D2; Nguyễn Gia N và Phan Chí Đ khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Giữa Nguyễn Quang D và Nguyễn Thanh X có mâu thuẫn trước nên Nguyễn Quang D nói lại sự việc cho em ruột mình là Nguyễn Quang T biết và rủ T giúp sức cùng với D giải quyết mâu thuẫn với nhóm của Nguyễn Thanh X. Sau đó, D lần lượt rủ thêm Lâm Văn S, Nguyễn Quốc D1, Lê Chí D2, Nguyễn Gia N, Huỳnh Trung H1, Phan Chí Đ, Nguyễn Thanh A cùng một số người khác (chưa xác định được họ, tên, địa chỉ). Các bị cáo chuẩn bị hung khí, trái nổ tự chế, súng hơi, đạn do Quang D chủ mưu, cầm đầu và chỉ huy phân công nhiệm vụ để chờ nhóm của Nguyễn Thanh X đến. Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 16/11/2024, tại khu vực thuộc tổ F, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là tổ F, ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long). Khi nhóm của Nguyễn Thanh X đến thì các bị cáo cùng nhau tấn công và hậu quả gây thương tích cho các bị hại Nguyễn Thanh X với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 09%, Nguyễn Phước L với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 08%, Nguyễn Phước N7 với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 08%, Lê Văn C với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 05%, Trần Minh K2 với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%, Lê Ngọc M1 với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%, Lê Hoàng T10 với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%. Ngày 09/12/2024, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Phước L, Nguyễn Phước N7, Lê Văn C, Trần Minh K2, Lê Ngọc M1, Lê Hoàng T10 làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo. Địa điểm xảy ra vụ việc trên đoạn đường đal từ trước nhà của bị cáo Nguyễn Quang D

đến trước nhà ông Nguyễn Công T11 thuộc tổ F, ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long là khu vực đông dân cư, là nơi công cộng, làm người dân sợ hãi, gián đoạn đến hoạt động bình thường, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Quang D đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, đ, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung tăng nặng “Có tổ chức; dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách; tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; quy kết các bị cáo Nguyễn Quang T; Lâm Văn S; Nguyễn Quốc D1; Lê Chí D2; Nguyễn Gia N và Phan Chí Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người; Có tổ chức; Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung tăng nặng “Có tổ chức; dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang D; Nguyễn Quang T; Lâm Văn S; Nguyễn Quốc D1; Lê Chí D2 và Nguyễn Gia N yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; kháng cáo của bị cáo Phan Chí Đ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo Nguyễn Quang D phải chịu theo điểm d, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo Lâm Văn S phải chịu theo điểm h khoản 1 Điều 52 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang T, Nguyễn Quốc D1 được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Chí Đ được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 121 Luật Tư pháp người chưa thành niên để xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Lâm Văn S 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Lê Chí D2 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội

“Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Nguyễn Gia N 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Phan Chí Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tuy nhiên, các bị cáo phạm 02 tội, đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” thuộc nhóm tội phạm xâm phạm trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội này là không đúng quy định. Đối với bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp “Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người; Có tổ chức; Có tính chất côn đồ” theo điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự nhưng do bị cáo “Tái phạm nguy hiểm” nên bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” là tội phạm xâm phạm trật tự công cộng nên khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất côn đồ” theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với 02 tội là không đúng quy định. Đối với bị cáo Phan Chí Đ chỉ được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là không đúng quy định. Tuy nhiên, bị cáo là người chưa thành niên, được áp dụng các nguyên tắc quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên nên mức hình phạt của bị cáo là phù hợp với Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo phải chịu và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên giữ nguyên mức hình phạt. Đối với bị cáo Phan Chí Đ phạm hai tội, đối với tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo Phan Chí Đ hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phan Chí Đ.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối

với các bị cáo Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang T, Lâm Văn S, Nguyễn Quốc D1, Lê Chí D2 và Nguyễn Gia N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Chí Đ 01 (năm) tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” trong khi bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang D; Nguyễn Quang T; Lâm Văn S; Nguyễn Quốc D1; Lê Chí D2; Nguyễn Gia N và Phan Chí Đ; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, đ, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quang D chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/6/2025.

2. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quang T chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2025.

3. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn S 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn S 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lâm Văn S chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/12/2024.

4. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D1 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quốc D1 chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/12/2024.

5. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí D2 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí D2 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Chí D2 chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/12/2024.

6. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia N 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia N 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Gia N chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/01/2025.

7. Áp dụng điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179, Điều 115, Điều 119, Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Phan Chí Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179, Điều 115, Điều 119, Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Phan Chí Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan Chí Đ chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Quang D; Nguyễn Quang T; Lâm Văn S; Nguyễn Quốc D1; Lê Chí D2; Nguyễn Gia N và Phan Chí Đ; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị

cáo Huỳnh Trung H1 và Nguyễn Thanh A, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long (21b);
- VKSND khu vực 3- Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 3- Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Mỹ Thuận, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (7b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn